

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HC-PT  
Ngày 27 - 02 - 2023  
V/v khiếu kiện các quyết định hành  
chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Xuân Hải  
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Hiệp  
Ông Nguyễn Thanh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thanh Tú – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 06/2022/TLPT-HC ngày 17/10/2022 về khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2022/QĐ-PT ngày 09/11/2022 giữa các đương sự:

*1. Người khởi kiện:* Bà Châu Thị T; cư trú tại: Số 25 đường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Hà Văn B – Luật sư đang hoạt động tại Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định; địa chỉ: Số 206 đường P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

*2. Người bị kiện:*

- Trưởng Công an phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định; địa chỉ: Số 71 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- Trưởng Công an thành phố Q, tỉnh Bình Định; địa chỉ: Số 114 đường C, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Trần Đức S – Phó Trưởng Công an thành phố Q, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền số 53/QĐ-CATP-CTHC ngày 15/11/2022) (Vắng mặt)

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Công an phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định; địa chỉ: Số 71 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Bá T – Trưởng Công an phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Có mặt)

- Bà Võ Thị H; cư trú tại: Số 11A đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Bình S; cư trú tại: Số 11A đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 11/8/2022) (Có mặt)

*4. Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Châu Thị T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện bà Châu Thị T trình bày:*

Ngày 27/5/2019, bà Võ Thị H – Hiệu trưởng Trường Tiểu học L gửi đơn tố cáo đến Công an phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (viết tắt là Công an phường L), nội dung: Tại Trường Tiểu học L xảy ra mất trộm nhiều lần với tổng số tiền trên 50.000.000 đồng, trong đó bà H bị mất gần 20.000.000 đồng. Ngày 04/3/2019, bà H bị mất 1.800.000 đồng và khẳng định bà trộm cắp số tiền trên vì bà H cho rằng có hình ảnh của bà vào phòng bà H lấy tiền được camera ghi lại, bà H có gửi clip ghi hình ảnh của bà cho cơ quan công an.

Tại các buổi làm việc với Công an phường L và Công an thành phố Q, tỉnh Bình Định (viết tắt là Công an thành phố Q), bà đã nhiều lần trình bày là do bà trả tiền cho bà H 200.000 đồng và đưa tờ tiền 500.000 đồng, đoạn clip bà H đã giao nộp là đoạn clip ghi lại hình ảnh trong ngày 04/3/2019 bà H có nhờ bà vào phòng lấy tiền giúp trong túi xách của bà H để thối lại tiền cho bà, sau đó bà H nhờ bà mang xấp tiền đã nhờ lấy trước đó cất lại vào túi xách của bà H chứ bà không vào phòng bà H lấy trộm tiền. Tuy nhiên, Công an phường L và Công an thành phố Q không xem xét toàn diện clip hình ảnh mà quy kết bà trộm 1.800.000 đồng của bà H.

Ngày 18/10/2019, Trưởng Công an phường L ban hành Quyết định số 16/QĐ-XPHC (viết tắt là Quyết định số 16) về việc xử phạt bà số tiền 1.500.000 đồng và buộc bà trả lại 1.800.000 đồng cho bà H do đã có hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 04/3/2019. Không đồng ý với quyết định trên, bà có đơn khiếu nại và đã được giải quyết khiếu nại tại Thông báo số 05/TB-CAP ngày 28/11/2019 của Trưởng Công an phường L (viết tắt là Thông báo số 05) và Quyết định số 39/QĐ-CATP ngày 07/7/2020 của Trưởng Công an thành phố Q (viết tắt là Quyết định số 39).

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 16, Thông báo số 05 và Quyết định số 39; bởi lẽ:

- Việc thu thập và quy trình thu giữ chứng cứ là đoạn clip do bà H giao nộp cho cơ quan Công an không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự bởi vì không xác định được ở đâu bà H có clip, clip do bà H giao nộp chứ không phải do cơ quan chức năng lập biên bản chiết xuất từ camera, đoạn clip đã bị cắt ghép nhưng không được giám định theo quy định. Do đó, không đủ căn cứ để kết luận bà đã trộm số tiền 1.800.000 đồng.

- Trình tự, thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành Quyết định số 16 trái pháp luật, bởi lẽ: Khi lập biên bản, Công an phường L và Công an thành phố Q không điều tra, xác minh theo đúng quy trình tố giác tội phạm. Khi hết thời hạn 04 tháng, cơ quan Công an không có kết luận bà có phạm tội hay không, có trộm tiền hay không, không xác định được số tiền đã mất trộm là bao nhiêu mà chỉ có báo cáo đề xuất cho rằng bà có dấu hiệu vi phạm hành chính rồi chuyển Công an phường L để xử phạt hành chính. Biên bản vi phạm có sự tẩy xóa; không xác định hành vi vi phạm, không ghi rõ vi phạm tại điểm, khoản, điều của nghị định nào. Tại mục biện pháp khắc phục hậu quả của Quyết định số 16 có nội dung “Buộc nộp lại số tiền 1.800.000 đồng để trả lại cho bị hại” là không đúng quy định tại Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 66 của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình (viết tắt là Nghị định số 167).

- Khi có đơn khiếu nại của bà đối với Quyết định số 16, Trưởng Công an phường L không thụ lý khiếu nại, xác minh, đối thoại, không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại mà ban hành Thông báo số 05 là không đúng với trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại. Ngoài ra, nội dung Thông báo số 05 không trùng với nội dung Kết luận số 04/KL-CAP ngày 25/11/2019 của Trưởng Công an phường L.

- Đối với Quyết định số 39: Khi có đơn khiếu nại lần 2 của bà, Tổ xác minh của Công an thành phố Q tổ chức xác minh, thu thập thêm tài liệu chứng cứ để củng cố hành vi trộm cắp tài sản của bà là không đúng quy định tại Điều 38 của Luật Khiếu nại. Nội dung quyết định đã chỉ ra việc Công an phường L có nhiều sai sót trong việc lập biên bản, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, giải quyết khiếu nại lần đầu nhưng không hủy Quyết định số 40 là không đúng quy định tại Điều 38 của Luật Khiếu nại. Một phần quyết định trên có nội dung là hủy bỏ một phần Quyết định số 40 là không đúng quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (viết tắt là Nghị định số 97).

*Người bị kiện và đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Bá T – Trưởng Công an phường L, thành phố Q trình bày:*

Ngày 27/5/2019, Công an phường L tiếp nhận báo cáo của bà Võ Thị H – Hiệu trưởng Trường Tiểu học L về việc cá nhân bà và các giáo viên Trường Tiểu học L bị mất tiền trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến ngày 04/3/2019, trong đó bà H mất tổng cộng 04 lần với tổng số tiền là 19.300.000 đồng tại phòng làm việc. Riêng ngày 04/3/2019, bà H để túi xách trên bàn làm việc, trong túi có 4.000.000 đồng và bà bị mất 1.800.000 đồng. Bà H có cung cấp 01 USB bên trong có hình ảnh dữ liệu trích xuất từ camera ghi hình ảnh người phụ nữ vào phòng lấy tiền trong túi xách bà H. Qua làm việc với bà Châu Thị T, bà T thừa nhận người lấy số tiền trong ví bà H vào ngày 04/3/2019 như clip bà H cung cấp là bà. Tuy nhiên, bà T giải thích việc bà lấy tiền trong ví bà H là được sự đồng ý của bà H vì tại buổi chiều làm việc ngày 04/3/2019 tại phòng Hiệu trưởng, do buổi làm việc chưa thống nhất nhưng có Công ty du lịch An Tín đến thu tiền du lịch của bà H nên bà H yêu cầu bà T về phòng làm việc riêng của bà T để tiếp tục làm việc. Sau đó, bà H có đến phòng bà T yêu cầu trả 200.000 đồng trước đó đã mượn nên bà T có lấy ra từ 500.000 đồng để trả và yêu cầu thôi lại 300.000 đồng. Do chân bà H bị đau nên nhờ bà T qua phòng bà H lấy tiền giúp cho bà H. Bà T qua phòng làm việc bà H chỉnh sửa dây điện lắp wifi trước và sau đó đến bàn bà H kéo dây khóa trong túi xách lấy một xấp tiền gấp ngang có cột dây thun qua đưa cho bà H và bà H đưa lại cho bà T 300.000 đồng. Sau đó, bà H nhờ bà T cầm xấp tiền còn lại qua cất lại, còn bà H về làm việc với nhân viên của Công ty du lịch An Tín.

Qua xác minh lời khai với những người có mặt tại buổi chiều làm việc ngày 04/3/2019 thì không ai viết về sự việc bà H nhờ bà T lấy tiền giúp như bà T đã khai.

Qua xem xét clip trong USB do bà H giao nộp có 03 file dữ liệu ghi hình ảnh diễn ra tại phòng bà H, thời gian diễn ra liên tục trên màn hình từ lúc 03:34:41 đến 06:36:42PM ngày 04/3/2019 (theo lời khai bà H), như vậy thời gian thực tế diễn ra tại phòng bà H như trong clip là từ khoảng 14 giờ 34 phút 41 giây đến khoảng 18 giờ 36 phút 42 giây ngày 04/3/2019. Trong đoạn clip thể hiện một số hình ảnh liên quan đến bà H và bà T như sau: 04:06PM ngày 04/3/2019, bà H, bà T, bà Hằng ngồi làm việc trước bàn cá nhân của bà H có để 01 cái ví màu đen ở vị trí bên phải của bàn theo hướng ngồi; cả ba làm việc đến khoảng 04:34PM thì cả ba người nghỉ hợp rời khỏi phòng. 04:46PM ngày 04/3/2019 (sau khi 03 người rời khỏi phòng 12 phút), bà T vào phòng đến chỗ ổ điện thao tác gì đó rồi đến chỗ túi xách của bà H để trên bàn kéo dây kéo lấy xấp gì đó giống tiền rồi cầm ra khỏi phòng (thời gian diễn ra trong phút 46). 04:47PM ngày 04/3/2019, bà T quay lại chỗ cắm ổ điện thao tác gì đó rồi bỏ xấp giống xấp tiền vào túi xách kéo dây khoá lại rồi đi ra ngoài (thời gian diễn ra trong vòng 14 giây). Lúc 05:40PM ngày 04/3/2019, bà H về lại phòng sắp xếp lại ghế ngoài rồi tự đi ra ngoài (lúc này nhìn qua cửa sổ phòng bà H còn có học sinh đang chơi đùa ngoài sân). 10 phút sau (05:50PM), bà H vào phòng để mở túi xách lấy xấp tiền ra nhìn rồi bỏ lại túi xách, vừa lúc đó bà T vào phòng ngồi làm việc với bà H được 05 phút thì bà T ra khỏi phòng.

Qua kiểm tra thực tế tại trường, tại tầng trệt 03 phòng theo thứ tự là phòng Hiệu trưởng (phòng bà H), phòng Hiệu phó (phòng bà T) và phòng Công đoàn sát vách (phòng Hiệu phó cũ).

Qua xem xét tài liệu thu thập được cùng với hình ảnh camera do bà H cung cấp (trích xuất từ camera) thì có sự việc bà T vào phòng lấy trộm tiền của bà H là có căn cứ và việc bà T trình bày vào phòng bà H lấy tiền giúp đỡ thôi lại do bà H nhờ là không có căn cứ. Do bà H báo mất số tiền là 1.800.000 đồng nên hành vi của bà T không cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nhưng vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 167. Do đó, theo sự phân công của lãnh đạo Công an phường L, ông Nguyễn Nhất Linh đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 16 ngày 10/10/2019 về hành vi trộm cắp tài sản của T. Tại thời điểm lập biên bản, có sự chứng kiến của bà T, bà H, ông Nguyễn Xuân Mai; tuy nhiên, bà T không ký vào biên bản. Ngày 18/10/2019, Công an phường L ban hành Quyết định số 16 đối với bà T, mức phạt tiền là 1.500.000 đồng; bà T không đến nhận quyết định trên. Trong quá trình ban hành Quyết định số 16, Công an phường L có một số sai sót và không đúng thẩm quyền về phần nội dung biện pháp khắc phục hậu quả là buộc bà T nộp lại số tiền 1.800.000 đồng. Do đó, ngày 06/8/2020, Trưởng Công an phường L đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-HBQĐXP (viết tắt là Quyết định số 01) huỷ bỏ một phần Quyết định số 16. Việc thực hiện quy trình giải quyết khiếu nại lần đầu của Trưởng Công an phường L thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Trưởng Công an phường L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu Tòa án huỷ Quyết định số 16 và Thông báo số 05.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Trần Đức S – Phó Trưởng Công an thành phố Q trình bày:*

Căn cứ đơn đề ngày 12/3/2020 của bà Châu Thị T khiếu nại Quyết định số 16 và Văn bản số 802/CAT-PX05 ngày 23/4/2020 của Giám đốc Công an tỉnh Bình Định về việc yêu cầu giải quyết đơn, Trưởng Công an thành phố Q đã tiến hành thụ lý giải quyết khiếu nại lần 2 theo quy định của Luật khiếu nại và Thông tư số 11/2015/TT-BCA ngày 02/3/2015 của Bộ Công an quy định quy trình giải quyết khiếu nại trong Công an nhân dân (viết tắt là Thông tư số 11).

Quá trình giải quyết khiếu nại, Trưởng Công an thành phố Q nhận thấy nội dung khiếu nại của bà T đối với Quyết định số 16 có phần đúng; cụ thể:

- Phần khiếu nại đúng: Tại mục biện pháp khắc phục hậu quả (Điều 1 Quyết định số 16) buộc nộp lại số tiền 1.800.000 đồng để trả lại bị hại là không đúng thẩm quyền của Trưởng Công an phường L.

Về việc thực hiện quy trình giải quyết khiếu nại lần đầu của Trưởng Công an phường L có một số nội dung chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại.

- Phần khiếu nại sai: Bà T không đồng ý với Quyết định số 16 vì cho rằng bà không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bà H đã tố giác. Căn cứ kết quả xác minh, đánh giá tài liệu thu thập được, Công an phường L đã xác định việc bà H tố giác bà T có hành vi trộm cắp tài sản là có căn cứ. Bà T cho rằng việc lấy tiền trong ví bà H là do bà H nhờ nhưng bà T không chứng minh được việc bà H nhờ đổi tiền, còn bà H xác định không có việc bà H nhờ bà T đổi tiền.

Công an phường L xác định bà T có hành vi vi phạm hành chính “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 của Nghị định 167 nên đã lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành Quyết định số 16, mức phạt là 1.500.000 đồng là đúng thẩm quyền xử phạt hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ kết quả giải quyết khiếu nại nói trên, tại Quyết định số 39, Trưởng Công an thành phố Q đã quyết định hủy bỏ một phần Quyết định số 16 (phần nội dung biện pháp khắc phục hậu quả tại Điều 1 Quyết định số 16) và giao Trưởng Công an phường L ban hành quyết định hủy bỏ một phần Trưởng Công an phường L là đúng quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 6 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (viết tắt là Nghị định số 81).

Để đảm bảo nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Trưởng Công an thành phố Q không hủy Quyết định số 16 do có vi phạm về thẩm quyền để ban hành quyết định mới vì khi ban hành quyết định mới thì thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đã hết theo quy định tại Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Từ những căn cứ nói trên, Quyết định số 39 được ban hành đúng quy định; do đó, Trưởng Công an thành phố Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu hủy quyết định nói trên.

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H là ông Huỳnh Bình S trình bày:*

Ngày 04/3/2019 tại phòng làm việc của bà H đã xảy ra sự việc bà Châu Thị T lén lút lấy trộm số tiền 1.800.000 đồng trong túi xách của bà H. Sau đó, bà H đã báo cáo Công an phường L; Công an phường L đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt đối với hành vi của bà T. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định và đồng thời yêu cầu bà T hoàn trả lại cho bà H số tiền 1.800.000 đồng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 16/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố Q đã quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 16 và Quyết định số 39; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, hủy Thông báo số 05; tách yêu cầu của bà Võ Thị H yêu cầu bà T hoàn trả lại số tiền 1.800.000 đồng đã chiếm đoạt, sẽ được giải quyết trong vụ án dân sự khác nếu bà H có đơn khởi kiện. Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 22/8/2022, bà T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 16 và tại phiên tòa phúc thẩm, bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nói trên.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày bản luận cứ và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, huỷ Quyết định số 16. Các căn cứ mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày như sau:

- Ngày 27/5/2019, bà Võ Thị H gửi đơn tố cáo nội bộ nhà trường mất trộm trên 50.000.000 đồng, riêng bà H mất gần 20.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại Điều 145 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 5 Điều 8 của Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của Bộ Công an – Bộ Quốc phòng – Bộ Tài chính – Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Viện kiểm sát nhân dân tối cao thì Công an phường L không phải là cơ quan điều tra vụ án theo đơn báo mất trên và thời hạn giải quyết kéo dài 05 tháng là không đúng quy định.

- Tại Quyết định số 39 đã nêu rõ những vi phạm của ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng Công an phường L, Công an thành phố Q không có văn bản nào kết luận về hành vi trộm cắp của bà T mà chỉ có kết luận của ông Dũng. Ông Dũng đã vi phạm về thẩm quyền ban hành Quyết định số 16.

- Hồ sơ không có biên bản khám nghiệm hiện trường; việc thu thập tài liệu chứng cứ chưa đúng, đầy đủ, đúng trình tự hợp pháp; chưa thực hiện việc giám định theo quy định đối với đoạn video do bà H cung cấp để xác định đây có phải là video gốc hay không, có bị cắt xén, chèn hình ảnh hay không, tại sao lại bị nhảy hình, mất nội dung.

- Đề nghị Công an phường L trưng ra vật chứng của vụ án là 1.800.000 đồng để xác định có bao nhiêu tờ giấy bạc, mệnh giá của từng tờ, cộng có đủ 1.800.000 đồng hay không để chứng minh số tiền mà Công an phường L đã quy kết cho bà T lấy trộm của bà H.

- Đề nghị làm rõ nếu là bà T lấy tiền thì tại sao bà T có hành vi trả tiền lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu xác định về trình tự, thủ tục Tòa án thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Châu Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Trần Đức Siêu – Phó Trưởng Công an thành phố Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính thì Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt ông Trần Đức Siêu.

[1.2] Vào ngày 24/7/2020, bà Châu Thị T nộp trực tiếp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Q về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 16, Thông báo số 05 và Quyết định số 39.

Quyết định số 16, Thông báo số 05 và Quyết định số 39 là các quyết định hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tổ tụng hành chính. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện nói trên của bà T là trong thời hiệu khởi kiện.

Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Q đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của bà Châu Thị T về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 16:

[2.1] Xét tính hợp pháp về hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn, thời hiệu ban hành Quyết định số 16:

[2.1.2] Xét tính hợp pháp về thẩm quyền ban hành:

Quyết định số 16 là quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà T do có hành vi vi phạm hành chính là trộm cắp tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 167, số tiền xử phạt theo quy định nói trên là 1.500.000 đồng. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 39 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì ông Nguyễn Văn Dũng - Trưởng Công an phường L ký ban hành quyết định trên là đúng quy định.

Tuy nhiên, tại phần “Biện pháp khắc phục hậu quả” của Điều 1 có nội dung “Buộc nộp lại số tiền 1.800.000 đồng để trả lại cho bị hại”. Biện pháp khắc phục hậu quả theo quyết định trên không thuộc các biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng khi xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và căn cứ Điều 66 của Nghị định số 167 thì Trưởng Công an phường L không có thẩm quyền ban hành quyết định đối với nội dung nói trên.

Do đó, tại Quyết định số 39, Trưởng Công an thành phố Q đã quyết định hủy bỏ một phần Quyết định số 16 (phần nội dung biện pháp khắc phục hậu quả tại Điều 1 Quyết định số 16) và giao Trưởng Công an phường L ban hành quyết định hủy bỏ một phần Trưởng Công an phường L là đúng quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 6 của Nghị định số 81. Ngày 06/8/2020, Trưởng Công an phường L đã ban hành Quyết định số 01 hủy bỏ một phần Quyết định số 16.

[2.1.2] Xét tính hợp pháp về hình thức, trình tự, thủ tục, thời hạn, thời hiệu ban hành:

Hình thức Quyết định số 16 được ban hành đúng theo biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA ngày 20/3/2019 của Bộ Công an quy định về các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân.



Trình tự, thủ tục, thời hạn, thời hiệu ban hành Quyết định số 16 đúng với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 167.

[2.2] Xét tính hợp pháp về căn cứ để ban hành quyết định:

Ngày 27/5/2019, Công an phường L tiếp nhận báo cáo của bà Võ Thị H – Hiệu trưởng Trường Tiểu học L về việc cá nhân bà và các giáo viên Trường Tiểu học L bị mất tiền trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến ngày 04/3/2019, trong đó bà H mất tổng cộng 04 lần với tổng số tiền là 19.300.000 đồng tại phòng làm việc. Riêng ngày 04/3/2019, bà H để túi xách trên bàn làm việc, trong túi có 4.000.000 đồng và bà bị mất 1.800.000 đồng. Bà H có cung cấp 01 USB bên trong có hình ảnh dữ liệu trích xuất từ camera ghi hình ảnh người phụ nữ vào phòng lấy tiền trong túi xách bà H.

Qua xem xét clip trong USB do bà H giao nộp có 03 file dữ liệu ghi hình ảnh diễn ra tại phòng bà H, thời gian diễn ra liên tục trên màn hình từ lúc 03:34:41 đến 06:36:42PM ngày 04/3/2019 (theo lời khai bà H), như vậy thời gian thực tế diễn ra tại phòng bà H như trong clip là từ khoảng 14 giờ 34 phút 41 giây đến khoảng 18 giờ 36 phút 42 giây ngày 04/3/2019. Trong đoạn clip thể hiện một số hình ảnh liên quan đến bà H và bà T như sau: 04:06PM ngày 04/3/2019, bà H, bà T, bà Hằng ngồi làm việc trước bàn cá nhân của bà H có để 01 cái ví màu đen ở vị trí bên phải của bàn theo hướng ngồi; cả ba làm việc đến khoảng 04:34PM thì cả ba người nghỉ hợp rời khỏi phòng. 04:46PM ngày 04/3/2019 (sau khi 03 người rời khỏi phòng 12 phút), bà T vào phòng đến chỗ ổ điện thao tác gì đó rồi đến chỗ túi xách của bà H để trên bàn kéo dây kéo lấy xấp gì đó giống tiền rồi cầm ra khỏi phòng (thời gian diễn ra trong phút 46). 04:47PM ngày 04/3/2019, bà T quay lại chỗ cắm ổ điện thao tác gì đó rồi bỏ xấp giống xấp tiền vào túi xách kéo dây khoá lại rồi đi ra ngoài (thời gian diễn ra trong vòng 14 giây). Lúc 05:40PM ngày 04/3/2019, bà H về lại phòng sắp xếp lại ghế ngoài rồi tự đi ra ngoài (lúc này nhìn qua cửa sổ phòng bà H còn có học sinh đang chơi đùa ngoài sân). 10 phút sau (05:50PM), bà H vào phòng để mở túi xách lấy xấp tiền ra nhìn rồi bỏ lại túi xách, vừa lúc đó bà T vào phòng ngồi làm việc với bà H được 05 phút thì bà T ra khỏi phòng.

Cơ quan Công an đã tiến hành thu thập sao kê tài khoản cá nhân của bà H và xác định ngày 04/3/2019, bà H có nhờ cH dùng thẻ ATM của bà H đi rút tiền vào sáng ngày 04/3/2019, rút 02 lần tiền, mỗi lần 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc bà H báo cáo bị mất 1.800.000 đồng chỉ có mình bà H biết và khi phát hiện mất tiền, bà H có nói lại cho bà Trần Thị Hằng nghe, ngoài ra, không ai khác biết được số tiền bà Hằng bị mất cụ thể là bao nhiêu.

Qua làm việc với bà Châu Thị T, bà thừa nhận là vào ngày 04/3/2019, bà có vào phòng làm việc của bà H mở ví của bà H lấy tiền như như clip bà H cung cấp. Bà T giải thích việc bà lấy tiền trong ví bà H là được sự đồng ý của bà H vì tại buổi chiều làm việc ngày 04/3/2019 tại phòng Hiệu trưởng, do buổi làm việc chưa thống nhất nhưng có Công ty du lịch An Tín đến thu tiền du lịch của bà H nên bà H yêu cầu bà T về phòng làm việc riêng của bà T để tiếp tục làm việc. Sau đó, bà H có đến phòng bà T yêu cầu trả 200.000 đồng trước đó đã mượn nên bà T có lấy ra tờ 500.000 đồng để trả và yêu cầu thối lại 300.000 đồng. Do chân bà H bị đau nên nhờ bà T qua

phòng bà H lấy tiền giúp cho bà H. Bà T qua phòng làm việc bà H chỉnh sửa dây điện lắp wifi trước và sau đó đến bàn bà H kéo dây khóa trong túi xách lấy một xấp tiền gấp ngang có cột dây thun qua đưa cho bà H và bà H đưa lại cho bà T 300.000 đồng. Sau đó, bà H nhờ bà T cầm xấp tiền còn lại qua cất lại, còn bà H về làm việc với nhân viên của Công ty du lịch An Tín. Tuy nhiên, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nội dung trình bày nói trên của bà và bà H cũng không thừa nhận nội dung trình bày của bà T.

Qua xác minh lời khai với những người có mặt tại buổi chiều làm việc ngày 04/3/2019 là bà Bùi Thị Thu H1 và 02 nhân viên công ty du lịch đều xác định là khi bà H rời phòng làm việc của mình thì đến phòng của bà H1 làm việc với 02 nhân viên du lịch cho đến khi quay lại phòng của mình, không có việc bà H nói chuyện với bà T về việc lấy tiền, đổi tiền gì cả, không ai viết về sự việc bà H nhờ bà T lấy tiền giúp như bà T đã khai.

Như vậy, vào ngày 04/3/2019, có sự việc bà T vào phòng của bà H mở ví lấy tiền của bà H (trong USB do bà H giao nộp có thể hiện hình ảnh của bà T vào phòng bà H vào ngày 04/3/2019 và mở ví của bà H để lấy tiền). Mặc dù hình ảnh trong USB không thể hiện rõ số tiền bà T đã lấy là bao nhiêu nhưng căn cứ hình ảnh thể hiện trong USB do bà H cung cấp và lời khai của những người có liên quan vào ngày 04/3/2019 (bà Bùi Thị Thu H1 và 02 nhân viên công ty du lịch); căn cứ vào việc bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh là bà vào phòng bà H lấy tiền của bà H là theo ý của bà H và bà H cũng không thừa nhận nội dung trình bày của bà T, Công an phường L đã xác định lời khai của H về việc bà T vào phòng bà H, mở ví lấy tiền của bà H là phù hợp.

Do bà H báo mất số tiền là 1.800.000 đồng nên thuộc trường hợp vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 167. Do đó, Công an phường L đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 16 ngày 10/10/2019 về hành vi trộm cắp tài sản của T và ngày 18/10/2019, Công an phường L ban hành Quyết định số 16 xử phạt vi phạm hành chính đối với bà T do có hành vi vi phạm hành chính là trộm cắp tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 167, số tiền xử phạt theo quy định nói trên là 1.500.000 đồng là đúng quy định.

[3] Phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với Thông báo số 05 và Quyết định số 39 không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét văn bản và quyết định trên.

Từ những căn cứ nói trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Châu Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Châu Thị T phải chịu 300.000 đồng; được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004443 ngày 07/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Châu Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, huỷ Quyết định số 16 là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ; Thông tư số 07/2019/TT-BCA ngày 20/3/2019 của Bộ Công an quy định về các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân.

- Căn cứ khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Châu Thị T. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị T về việc yêu cầu Tòa án huỷ Quyết định số 16/QĐ-XPHC ngày 18/10/2019 của Trưởng Công an phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định và Quyết định số 39/QĐ-CATP ngày 07/7/2020 của Trưởng Công an thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu Tòa án huỷ Thông báo số 05/TB-CAP ngày 28/11/2019 của Trưởng Công an phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

4. Tách yêu cầu của bà Võ Thị H yêu cầu bà Châu Thị T hoàn trả lại số tiền 1.800.000 đồng đã chiếm đoạt, sẽ được giải quyết trong vụ án dân sự khác nếu bà H có đơn khởi kiện.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Trưởng Công an phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Bà Châu Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*); được trừ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008596 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Bà Võ Thị H không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà H 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004150 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Bình Định.

5.2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Châu Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*); được trừ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004443 ngày 07/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Bình Định.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Tòa án nhân dân thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Xuân Hải**